

LỊCH THI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022 - 2023_ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG VÀ LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CÁC KHÓA**KHOA KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH****ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC DỰ THI CỦA SINH VIÊN :**

- Sinh viên phải đóng học phí đúng theo quy định của nhà trường.
- Sinh viên không có tên trong danh sách cấm thi.
- Sinh viên phải có mặt tại phòng thi trước giờ thi 15 phút để hoàn tất thủ tục dự thi cuối học kỳ.
- Khi vào phòng thi, sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh.
- Khi vào phòng thi, sinh viên không được sử dụng điện thoại di động và các thiết bị truyền tin.

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
34	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_XD01	35	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C803	DH_HK5 (22-23)
35	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_XD02	25	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C803	DH_HK5 (22-23)
58	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	L20_XD01	1	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK5 (22-23)
90	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_XD01	33	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
91	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_XD02	28	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
93	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D17_XD01	1	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
102	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D18_XD01	1	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
107	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D19_XD02	1	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
160	CI03006	Kiến trúc	D20_XD01	36	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C608	DH_HK5 (22-23)
161	CI03006	Kiến trúc	D20_XD02	25	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C608	DH_HK5 (22-23)
162	CI03006	Kiến trúc	D17_XD01	1	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C608	DH_HK5 (22-23)
163	CI03006	Kiến trúc	D18_XD02	1	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C608	DH_HK5 (22-23)
164	CI03006	Kiến trúc	D19_XD02	1	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C608	DH_HK5 (22-23)
215	CI09004	Cơ học kết cấu 1	D21_XD01	32	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C308	DH_HK3 (22-23)
216	CI09004	Cơ học kết cấu 1	D21_XD02	27	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C310	DH_HK3 (22-23)
217	CI09004	Cơ học kết cấu 1	D17_XD01	1	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C301	DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
218	CI09004	Cơ học kết cấu 1	D17_XD03	3	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C301	DH_HK3 (22-23)
219	CI09004	Cơ học kết cấu 1	D18_XD01	2	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C301	DH_HK3 (22-23)
220	CI09004	Cơ học kết cấu 1	D18_XD02	3	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C301	DH_HK3 (22-23)
221	CI09004	Cơ học kết cấu 1	D19_XD01	10	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C301	DH_HK3 (22-23)
222	CI09004	Cơ học kết cấu 1	D19_XD02	2	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C301	DH_HK3 (22-23)
223	CI09004	Cơ học kết cấu 1	D20_XD01	7	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C301	DH_HK3 (22-23)
224	CI09004	Cơ học kết cấu 1	D20_XD02	1	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C301	DH_HK3 (22-23)
340	CI03002	Bê tông cốt thép 2	D20_XD01	36	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
341	CI03002	Bê tông cốt thép 2	D20_XD02	25	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C310	DH_HK5 (22-23)
342	CI03002	Bê tông cốt thép 2	D17_XD01	3	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C301	DH_HK5 (22-23)
343	CI03002	Bê tông cốt thép 2	D17_XD02	1	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C301	DH_HK5 (22-23)
344	CI03002	Bê tông cốt thép 2	D17_XD03	4	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C301	DH_HK5 (22-23)
345	CI03002	Bê tông cốt thép 2	D18_XD01	1	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C301	DH_HK5 (22-23)
346	CI03002	Bê tông cốt thép 2	D18_XD02	3	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C301	DH_HK5 (22-23)
347	CI03002	Bê tông cốt thép 2	D19_XD01	9	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C301	DH_HK5 (22-23)
348	CI03002	Bê tông cốt thép 2	D19_XD02	10	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C301	DH_HK5 (22-23)
434	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_XD01	33	Tư	28/12/2022	09 giờ 30	C514	DH_HK3 (22-23)
435	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_XD02	28	Tư	28/12/2022	09 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
444	GS19003	Tiếng Anh 3	D18_XD01	2	Tư	28/12/2022	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
448	GS19003	Tiếng Anh 3	D19_XD01	1	Tư	28/12/2022	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
534	CI03017	Quản lý chất lượng công trình	D19_XD01	29	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK7 (22-23)
535	CI03017	Quản lý chất lượng công trình	D19_XD02	27	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK7 (22-23)
536	CI03017	Quản lý chất lượng công trình	D17_XD01	2	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK7 (22-23)
537	CI03017	Quản lý chất lượng công trình	D18_XD01	2	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK7 (22-23)
538	CI03017	Quản lý chất lượng công trình	D18_XD02	1	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK7 (22-23)
562	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_XD01	39	Năm	29/12/2022	09 giờ 30	C703	DH_HK1 (22-23)
563	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_XD02	30	Năm	29/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
567	GS19001	Tiếng Anh 1	D19_XD01	1	Năm	29/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
569	GS19001	Tiếng Anh 1	D20_XD02	1	Năm	29/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
573	GS19001	Tiếng Anh 1	D21_XD01	1	Năm	29/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
628	CI03005	Kết cấu thép	D20_XD01	36	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C703	DH_HK5 (22-23)
629	CI03005	Kết cấu thép	D20_XD02	25	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C703	DH_HK5 (22-23)
630	CI03005	Kết cấu thép	D16_XD04	1	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C703	DH_HK5 (22-23)
631	CI03005	Kết cấu thép	D18_XD01	2	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C703	DH_HK5 (22-23)
632	CI03005	Kết cấu thép	D18_XD02	5	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C703	DH_HK5 (22-23)
633	CI03005	Kết cấu thép	D19_XD01	1	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C703	DH_HK5 (22-23)
731	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_XD01	33	Sáu	30/12/2022	09 giờ 30	C605	DH_HK3 (22-23)
732	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_XD02	28	Sáu	30/12/2022	09 giờ 30	C605	DH_HK3 (22-23)
736	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D18_XD01	1	Sáu	30/12/2022	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
741	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D19_XD02	1	Sáu	30/12/2022	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
842	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_XD01	39	Bảy	31/12/2022	09 giờ 30	C703	DH_HK1 (22-23)
843	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_XD02	30	Bảy	31/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
844	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D16_XD03	1	Bảy	31/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
846	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D17_XD01	3	Bảy	31/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
852	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D18_XD01	1	Bảy	31/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
854	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D19_XD01	1	Bảy	31/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
985	GS43001	Vật lý 1	D22_XD01	40	Ba	03/01/2023	09 giờ 30	C606	DH_HK1 (22-23)
986	GS43001	Vật lý 1	D22_XD02	30	Ba	03/01/2023	09 giờ 30	C608	DH_HK1 (22-23)
989	GS43001	Vật lý 1	D17_XD01	1	Ba	03/01/2023	09 giờ 30	C608	DH_HK1 (22-23)
990	GS43001	Vật lý 1	D17_XD03	1	Ba	03/01/2023	09 giờ 30	C608	DH_HK1 (22-23)
996	GS43001	Vật lý 1	D18_XD01	2	Ba	03/01/2023	09 giờ 30	C608	DH_HK1 (22-23)
997	GS43001	Vật lý 1	D18_XD02	2	Ba	03/01/2023	09 giờ 30	C608	DH_HK1 (22-23)
1000	GS43001	Vật lý 1	D19_XD01	1	Ba	03/01/2023	09 giờ 30	C608	DH_HK1 (22-23)
1110	CI03007	Thi công 1	D20_XD01	36	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1111	CI03007	Thi công 1	D20_XD02	25	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
1112	CI03007	Thi công 1	D19_XD02	1	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
1155	CI09005	Sức bền vật liệu 2	D21_XD01	32	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1156	CI09005	Sức bền vật liệu 2	D21_XD02	27	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1157	CI09005	Sức bền vật liệu 2	D17_XD01	1	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1158	CI09005	Sức bền vật liệu 2	D17_XD03	2	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1159	CI09005	Sức bền vật liệu 2	D18_XD01	9	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1160	CI09005	Sức bền vật liệu 2	D18_XD02	2	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1161	CI09005	Sức bền vật liệu 2	D19_XD02	3	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1162	CI09005	Sức bền vật liệu 2	D20_XD02	1	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1261	GS59001	Tin học đại cương	D22_XD01	39	Năm	05/01/2023	09 giờ 30	C608	DH_HK1 (22-23)
1262	GS59001	Tin học đại cương	D22_XD02	30	Năm	05/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
1268	GS59001	Tin học đại cương	D18_XD01	1	Năm	05/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
1269	GS59001	Tin học đại cương	D18_XD02	2	Năm	05/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
1272	GS59001	Tin học đại cương	D19_XD02	1	Năm	05/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
1369	CI09017	Nền móng công trình	D20_XD01	36	Sáu	06/01/2023	07 giờ 30	C708	DH_HK5 (22-23)
1370	CI09017	Nền móng công trình	D20_XD02	25	Sáu	06/01/2023	07 giờ 30	C706	DH_HK5 (22-23)
1371	CI09017	Nền móng công trình	D17_XD01	5	Sáu	06/01/2023	07 giờ 30	C706	DH_HK5 (22-23)
1372	CI09017	Nền móng công trình	D18_XD02	9	Sáu	06/01/2023	07 giờ 30	C706	DH_HK5 (22-23)
1373	CI09017	Nền móng công trình	D19_XD02	16	Sáu	06/01/2023	07 giờ 30	C706	DH_HK5 (22-23)
1380	CI09006	Vật liệu xây dựng	D21_XD01	33	Sáu	06/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1381	CI09006	Vật liệu xây dựng	D21_XD02	28	Sáu	06/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1382	CI09006	Vật liệu xây dựng	D22_XD01	1	Sáu	06/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1383	CI09006	Vật liệu xây dựng	D17_XD03	2	Sáu	06/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1384	CI09006	Vật liệu xây dựng	D18_XD01	1	Sáu	06/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1385	CI09006	Vật liệu xây dựng	D18_XD02	1	Sáu	06/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1386	CI09006	Vật liệu xây dựng	D20_XD02	1	Sáu	06/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1511	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D22_XD01	40	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C510	DH_HK1 (22-23)
1512	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D22_XD02	30	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C508	DH_HK1 (22-23)
1568	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D18_XD02	1	Bảy	07/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_HK1 (22-23)
1584	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_XD02	1	Bảy	07/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_HK1 (22-23)
1607	CI09018	Tiếng Anh chuyên ngành	D20_XD01	36	Hai	09/01/2023	07 giờ 30	C708	DH_HK5 (22-23)
1608	CI09018	Tiếng Anh chuyên ngành	D20_XD02	25	Hai	09/01/2023	07 giờ 30	C708	DH_HK5 (22-23)
1609	CI09018	Tiếng Anh chuyên ngành	D15_XD01	1	Hai	09/01/2023	07 giờ 30	C706	DH_HK5 (22-23)
1610	CI09018	Tiếng Anh chuyên ngành	D17_XD01	1	Hai	09/01/2023	07 giờ 30	C706	DH_HK5 (22-23)
1611	CI09018	Tiếng Anh chuyên ngành	D17_XD03	6	Hai	09/01/2023	07 giờ 30	C706	DH_HK5 (22-23)
1612	CI09018	Tiếng Anh chuyên ngành	D18_XD02	7	Hai	09/01/2023	07 giờ 30	C706	DH_HK5 (22-23)
1613	CI09018	Tiếng Anh chuyên ngành	D19_XD01	14	Hai	09/01/2023	07 giờ 30	C706	DH_HK5 (22-23)
1614	CI09018	Tiếng Anh chuyên ngành	D19_XD02	16	Hai	09/01/2023	07 giờ 30	C706	DH_HK5 (22-23)
1623	CI09007	Vẽ kỹ thuật xây dựng	D21_XD01	33	Hai	09/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1624	CI09007	Vẽ kỹ thuật xây dựng	D21_XD02	28	Hai	09/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1625	CI09007	Vẽ kỹ thuật xây dựng	D18_XD01	1	Hai	09/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1700	CI03009	Móng trên nền đất yếu	D16_XD03	1	Hai	09/01/2023	15 giờ 30	C601	DH_NKH (22-23)
1703	1CBTODC003	Toán A3 (Hàm nhiều biến, giải tích vector)	D16_XD01	1	Hai	09/01/2023	15 giờ 30	C601	DH_NKH (22-23)
1718	CI09001	Khái niệm ngành nghề	D22_XD01	40	Ba	10/01/2023	09 giờ 30	C603	DH_HK1 (22-23)
1719	CI09001	Khái niệm ngành nghề	D22_XD02	30	Ba	10/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
1720	CI09001	Khái niệm ngành nghề	D18_XD01	2	Ba	10/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
1721	CI09001	Khái niệm ngành nghề	D18_XD02	1	Ba	10/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
1722	CI09001	Khái niệm ngành nghề	D21_XD01	1	Ba	10/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
1761	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D18_XD02	1	Ba	10/01/2023	15 giờ 30	C804	DH_HK1 (22-23)
1804	CI03014	Kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước	D19_XD02	5	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
1805	CI03014	Kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước	D16_XD03	1	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
1806	CI03014	Kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước	D16_XD04	1	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
1807	CI03014	Kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước	D18_XD02	1	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1839	GS69001	Hóa đại cương	D22_XD01	40	Năm	12/01/2023	09 giờ 30	C606	DH_HK1 (22-23)
1840	GS69001	Hóa đại cương	D22_XD02	30	Năm	12/01/2023	09 giờ 30	C604	DH_HK1 (22-23)
1841	GS69001	Hóa đại cương	D18_XD01	2	Năm	12/01/2023	09 giờ 30	C604	DH_HK1 (22-23)
1842	GS69001	Hóa đại cương	D18_XD02	1	Năm	12/01/2023	09 giờ 30	C604	DH_HK1 (22-23)
1843	GS69001	Hóa đại cương	D19_XD01	1	Năm	12/01/2023	09 giờ 30	C604	DH_HK1 (22-23)
1844	GS69001	Hóa đại cương	D19_XD02	1	Năm	12/01/2023	09 giờ 30	C604	DH_HK1 (22-23)
1845	GS69001	Hóa đại cương	D21_XD01	1	Năm	12/01/2023	09 giờ 30	C604	DH_HK1 (22-23)
1846	GS69001	Hóa đại cương	D21_XD02	1	Năm	12/01/2023	09 giờ 30	C604	DH_HK1 (22-23)
1904	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[01.00]_D20_XD01	13	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1905	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[01.00]_D17_XD02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1906	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[02.00]_D20_XD02	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1907	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[02.00]_D18_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1908	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[02.00]_D19_XD01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1909	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[02.00]_D19_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1910	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[03.00]_D20_XD01	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1911	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[03.00]_D17_XD03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1912	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[03.00]_D18_XD02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1913	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[04.00]_D20_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1914	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[04.00]_D20_XD02	13	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1915	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[04.00]_D19_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1916	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[05.00]_D20_XD01	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1917	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[05.00]_D17_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1918	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[05.00]_D18_XD01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
1919	CI03003	Đồ án Bê tông cốt thép 2	[05.00]_D18_XD02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2128	CI03004	Đồ án Nền móng	[01.00]_D20_XD01	13	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2129	CI03004	Đồ án Nền móng	[01.00]_D16_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2130	CI03004	Đồ án Nền móng	[01.00]_D17_XD03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2131	CI03004	Đồ án Nền móng	[01.00]_D18_XD02	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2132	CI03004	Đồ án Nền móng	[02.00]_D20_XD02	7		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2133	CI03004	Đồ án Nền móng	[02.00]_D18_XD01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2134	CI03004	Đồ án Nền móng	[02.00]_D18_XD02	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2135	CI03004	Đồ án Nền móng	[02.00]_D19_XD01	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2136	CI03004	Đồ án Nền móng	[02.00]_D19_XD02	7		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2137	CI03004	Đồ án Nền móng	[03.00]_D20_XD01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2138	CI03004	Đồ án Nền móng	[03.00]_D20_XD02	7		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2139	CI03004	Đồ án Nền móng	[03.00]_D17_XD03	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2140	CI03004	Đồ án Nền móng	[03.00]_D17_XD04	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2141	CI03004	Đồ án Nền móng	[03.00]_D19_XD01	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2142	CI03004	Đồ án Nền móng	[03.00]_D19_XD02	5		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2143	CI03004	Đồ án Nền móng	[04.00]_D20_XD01	10		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2144	CI03004	Đồ án Nền móng	[04.00]_D15_XD01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2145	CI03004	Đồ án Nền móng	[04.00]_D17_XD01	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2146	CI03004	Đồ án Nền móng	[04.00]_D17_XD03	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2147	CI03004	Đồ án Nền móng	[04.00]_D18_XD01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2148	CI03004	Đồ án Nền móng	[04.00]_D18_XD02	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2149	CI03004	Đồ án Nền móng	[05.00]_D20_XD02	10		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2150	CI03004	Đồ án Nền móng	[05.00]_D19_XD01	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2151	CI03004	Đồ án Nền móng	[05.00]_D19_XD02	4		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2152	CI03004	Đồ án Nền móng	[06.00]_D20_XD01	12		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2153	CI03004	Đồ án Nền móng	[06.00]_D16_XD01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2154	CI03004	Đồ án Nền móng	[06.00]_D17_XD02	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2155	CI03004	Đồ án Nền móng	[06.00]_D17_XD03	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2156	CI03004	Đồ án Nền móng	[06.00]_D18_XD02	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
2157	CI03004	Đồ án Nền móng	[06.00]_D19_XD01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2158	CI03004	Đồ án Nền móng	[06.00]_L20_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2204	CI03013	Đồ án Thi công 2	[01.00]_D19_XD01	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2205	CI03013	Đồ án Thi công 2	[01.00]_D19_XD02	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2206	CI03013	Đồ án Thi công 2	[01.00]_D17_XD03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2207	CI03013	Đồ án Thi công 2	[01.00]_D18_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2208	CI03013	Đồ án Thi công 2	[02.00]_D19_XD01	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2209	CI03013	Đồ án Thi công 2	[02.00]_D19_XD02	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2210	CI03013	Đồ án Thi công 2	[02.00]_D17_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2211	CI03013	Đồ án Thi công 2	[02.00]_D17_XD03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2212	CI03013	Đồ án Thi công 2	[02.00]_D18_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2213	CI03013	Đồ án Thi công 2	[02.00]_D18_XD02	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2214	CI03013	Đồ án Thi công 2	[03.00]_D19_XD01	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2215	CI03013	Đồ án Thi công 2	[03.00]_D19_XD02	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2216	CI03013	Đồ án Thi công 2	[03.00]_D17_XD01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2217	CI03013	Đồ án Thi công 2	[04.00]_D19_XD01	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2218	CI03013	Đồ án Thi công 2	[04.00]_D19_XD02	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2219	CI03013	Đồ án Thi công 2	[04.00]_D17_XD03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2220	CI03013	Đồ án Thi công 2	[04.00]_D17_XD04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2221	CI03013	Đồ án Thi công 2	[04.00]_D18_XD02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2222	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[01.00]_D19_XD01	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2223	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[01.00]_D19_XD02	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2224	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[01.00]_D17_XD03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2225	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[01.00]_D18_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2226	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[02.00]_D19_XD01	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2227	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[02.00]_D19_XD02	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2228	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[02.00]_D17_XD01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2229	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[02.00]_D17_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2230	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[02.00]_D17_XD03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2231	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[02.00]_D18_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2232	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[03.00]_D19_XD01	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2233	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[03.00]_D19_XD02	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2234	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[03.00]_D17_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2235	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[04.00]_D19_XD01	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2236	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[04.00]_D19_XD02	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2237	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[04.00]_D17_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2238	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[04.00]_D17_XD02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2239	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[04.00]_D18_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2240	CI09023	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	[04.00]_D18_XD02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2342	CI09022	Dự toán công trình	[01.00]_D19_XD01	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2343	CI09022	Dự toán công trình	[01.00]_D19_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2344	CI09022	Dự toán công trình	[01.00]_D18_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2345	CI09022	Dự toán công trình	[02.00]_D19_XD01	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2346	CI09022	Dự toán công trình	[02.00]_D19_XD02	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2347	CI09022	Dự toán công trình	[02.00]_D18_XD02	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2348	CI09022	Dự toán công trình	[03.00]_D19_XD02	13	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2349	CI09022	Dự toán công trình	[03.00]_D17_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2350	CI09022	Dự toán công trình	[03.00]_D17_XD03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2351	CI09022	Dự toán công trình	[03.00]_D18_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2357	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[02.00]_D19_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
2385	GS99002	Giáo dục thể chất 2	[02.00]_D19_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
2410	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[02.00]_D22_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2520	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[37.00]_D19_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2547	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[46.00]_D21_XD01	33	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2548	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[46.00]_D21_XD02	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2553	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[02.00]_D22_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2667	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[37.00]_D19_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2696	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[46.00]_D21_XD01	33	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2697	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[46.00]_D21_XD02	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2698	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[46.00]_D18_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2699	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[46.00]_D19_XD02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2745	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[03.00]_D16_XD04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2992	CI09015	Tham quan	[01.00]_D20_XD01	35	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2993	CI09015	Tham quan	[01.00]_D19_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2994	CI09015	Tham quan	[02.00]_D20_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2995	CI09015	Tham quan	[02.00]_D20_XD02	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2996	CI09015	Tham quan	[02.00]_D19_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3058	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	[01.00]_D21_XD01	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3059	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	[01.00]_D22_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3060	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	[01.00]_D18_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3061	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	[01.00]_D19_XD01	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3062	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	[01.00]_D19_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3063	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	[02.00]_D21_XD01	13	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3064	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	[02.00]_D21_XD02	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3065	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	[02.00]_D17_XD03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3066	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	[02.00]_D18_XD01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3067	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	[02.00]_D19_XD01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3068	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	[02.00]_D19_XD02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3069	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	[03.00]_D21_XD02	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3070	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	[03.00]_D19_XD02	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3071	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	[03.00]_D20_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3080	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[05.00]_D21_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3128	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[45.00]_D22_XD01	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3129	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[46.00]_D22_XD01	21	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3130	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[46.00]_D18_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3131	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[47.00]_D22_XD02	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3132	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[47.00]_D19_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3133	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[48.00]_D22_XD02	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4124	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[01.00]_D20_XD01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4184	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[42.00]_D20_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4187	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[45.00]_D22_XD01	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4191	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[45.00]_D18_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4192	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[45.00]_D19_XD02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4193	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[46.00]_D22_XD01	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4196	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[46.00]_D17_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4197	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[46.00]_D18_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4198	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[47.00]_D22_XD02	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4199	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[48.00]_D22_XD02	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4200	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[48.00]_D19_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4365	CI09025	Tin học chuyên ngành 1	[01.00]_D21_XD01	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4366	CI09025	Tin học chuyên ngành 1	[01.00]_D17_XD03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4367	CI09025	Tin học chuyên ngành 1	[01.00]_D18_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4368	CI09025	Tin học chuyên ngành 1	[01.00]_D18_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4369	CI09025	Tin học chuyên ngành 1	[01.00]_D20_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4370	CI09025	Tin học chuyên ngành 1	[02.00]_D21_XD01	13	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4371	CI09025	Tin học chuyên ngành 1	[02.00]_D21_XD02	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4372	CI09025	Tin học chuyên ngành 1	[02.00]_D18_XD02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4373	CI09025	Tin học chuyên ngành 1	[03.00]_D21_XD02	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4374	CI09026	Tin học chuyên ngành 2	[01.00]_D20_XD01	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
4375	CI09026	Tin học chuyên ngành 2	[01.00]_D18_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4376	CI09026	Tin học chuyên ngành 2	[01.00]_D19_XD02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4377	CI09026	Tin học chuyên ngành 2	[02.00]_D20_XD01	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4378	CI09026	Tin học chuyên ngành 2	[02.00]_D20_XD02	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4379	CI09026	Tin học chuyên ngành 2	[02.00]_D18_XD02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4380	CI09026	Tin học chuyên ngành 2	[02.00]_D19_XD02	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4381	CI09026	Tin học chuyên ngành 2	[03.00]_D20_XD01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4382	CI09026	Tin học chuyên ngành 2	[03.00]_D20_XD02	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4383	CI09026	Tin học chuyên ngành 2	[03.00]_D19_XD02	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)